**PHƯƠNG THUỐC TẢ HẠ**

Câu 1: Trong phương thuốc Đại thừa khí thang, Đại hoàng làm Quân có tác dụng

1. Nhuyễn kiên tán kết
2. Phá kết trừ bĩ mãn
3. Thông tiện tả hỏa
4. Hoạt trường nhuận táo

Câu 2: Phương thuốc nào sau đây thích hợp cho chứng táo bón mạn tinh

1. Ngũ nhân hoan
2. Tăng dịch thừa khí thang
3. Hoàng long thang
4. Điều vị thừa khí thang

Câu 3: Bài thuốc tăng dịch thừa khí thang thuốc nhôm

1. Hàn hạ
2. Tuấn hạ
3. Nhuận hạ
4. Công bổ kiêm trị

Câu 4: Bài thuốc Đại thừa khí thang dùng để chữa tà khí ở

1. Thái dương
2. Dương minh
3. Thiếu dương
4. Thái âm

Câu 5: Người già yếu, người vừa khỏi bệnh, phụ nữ sau sinh có khí huyết kém, bị táo bón nên áp dụng bài thuốc nào sau đây

1. Ma tử nhân hoan
2. Điều vị thừa khí thang
3. Hoàng long thang
4. Ngũ nhân hoan

Câu 6: Bài thuốc nào sau đây có tác dụng tuấn hạ nhiệt kết, sự dụng trong chứng Dương minh phủ thực

1. Điều vị thừa khí thang
2. Tăng dịch thừa khí thang
3. Đại thừa khí thang
4. Tiểu thừa khí thang

Câu 7: Trong bài Đại hoàng phụ tử thang, vị Phụ tử phối ngũ với Tế tân nhằm

1. Trợ dương
2. Nhuyễn kiên
3. Thông tiện
4. Trục hàn tích

Câu 8: Trong bài Ma tử nhân hoan, vị Ma tử nhân phối ngũ với vị Hạnh nhân làm Quân nhằm làm tăng tác dụng nào sau đây

1. Hành khí
2. Tả thực nhiệt
3. Nhuận táo
4. Trừ bĩ mãn

Câu 9: Chứng bụng đau, bí đại tiện theo tay chân lạnh (quyết nghịch) là chỉ định của bài thuốc nào sau đây

1. Tiểu thừa khí thang
2. Đại thừa khí thang
3. Hoàng long thang
4. Đại hoàng phụ tử thang

Câu 10: Tuấn hạ nhiệt kết là công dụng của bài thuốc nào

1. Đại thừa khí thang
2. Ôn tỳ thang
3. Đại hòang phụ tử thang
4. Ma tử nhân hoan

Câu 11: Đại hoàng và Mang tiêu trong bài thuốc Đại thừa khí thang tương tác theo kiểu

1. Tương sử
2. Tương tu
3. Tương úy
4. Tương sát

Câu 12: Nhuận táo thông tiện là công dụng của bài thuốc nào

1. Đại thừa khí thang
2. Ôn tỳ thang
3. Đại hoàng phụ tử thang
4. Ma tử nhân hoàn

Câu 13: Ôn bổ Tỳ dương, trừ hàn thông tiện là công dụng của bài thuốc nào

1. Đại thừa khí thang
2. Ôn tỳ thang
3. Đại hoàng phụ tử thang
4. Ma tử nhân hoàn

Câu 14: Tán hàn thông tiện là công dụng của bài thuốc nào

1. Đại thừa khí thang
2. Ôn tỳ thang
3. Đại hoàng phụ tử thang
4. Ma tử nhân hoàn

**Tình huống lâm sàng cho câu 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23.**

**Bn nam 45 tuổi, biểu hiện đau bụng lâu ngày, chân tay lạnh, đại tiện táo kết, lỵ lâu ngày, rêu lưỡi trắng, mạch trầm trì, vàng da. Nhập viện BV YHCT TP.HCM.**

Câu 15: BN này có biểu hiện của

1. Dương minh phủ thực
2. Tỳ dương bất túc
3. Trường vị táo nhiệt
4. Âm hư

Câu 16: Chỉ định cho BN này

1. Đại thừa khí thang
2. Ôn tỳ thang
3. Đại hòang phụ tử thang
4. Ma tử nhân hòan

Câu 17: Quân dược bài thuốc trên có tác dụng

1. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ
2. ôn tráng Tỳ dương, ôn tán hàn ngưng
3. Tỳ nhuận táo, hoạt trường thông tiện
4. nhuận táo, giáng Phế khí để thông tiện

Câu 18: Thần dược bài thuốc trên có thể là

1. Mang tiêu
2. Đại hoang
3. Đào nhân
4. Hạnh nhân

Câu 19: Can khương trong bài thuốc trên có tác dụng

1. giang Phế khí,
2. Nhuận trường, hoạt huyết tán kết
3. hàn tả nhiệt, nhuyễn kiên nhuận táo thông đại tiện
4. trợ Phụ tử ôn Tỳ dương để tán hàn

Câu 20: Dưỡng huyết nhuận táo là công dụng của vị thuốc nào trong bài thuốc trên

1. Nhân sâm
2. Cam thảo
3. Mang tiêu
4. Đương quy

Câu 21: Sau khi dùng bài thuốc được 1 thang, BN kèm nôn mừa. Có thể gia thêm vị thuốc nào cho bài thuốc

1. Nhục quế
2. Nhân trần
3. Sa nhân
4. Chi tử

Câu 22: Nếu bệnh nhân có kèm đau bụng thì gia thêm vị thuốc nào cho bài thuốc

1. Bán hạ
2. Sa nhân
3. Chi tử
4. Mộc hương

Câu 23: Có thể thêm vị thuốc nào để cải thiện vàng da cho BN

1. Nhục quế
2. Mộc hương
3. Chi tử
4. Bán hạ

**Tình huống lâm sàng cho câu 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30**

**BN nữ, 35 tuổi, nhập viện vì Sốt cao, nói sảng, ra mồ hôi, lưỡi đỏ, rêu vàng nhầy nhớt, bụng trướng dầy, không đại tiện được, cơ thể nặng nề. BN nhập viện BV YHCT TPHCM**

Câu 24: BN có biểu hiện của:

1. Dương minh phủ thực kèm thấp nhiệt
2. Tỳ dương bất túc
3. Trường vị táo nhiệt
4. Âm hư

Câu 25: Chỉ định thang thuốc cho BN:

1. Đại thừa khí thang
2. Ôn tỳ thang
3. Đại hòang phụ tử thang
4. Ma tử nhân hòan

Câu 26: Có thể thêm vị thuốc nào cải thiện tình trạng sốt cao của BN

1. Ngân, Kiều
2. Hoàng liên
3. Cam thảo
4. Hậu phác

Câu 27: Có thể thêm vị thuốc nào cải thiện tình trạng thấp nhiệt cho BN

1. Ngân, Kiều
2. Hoàng liên
3. Cam thảo
4. Hậu phác

Câu 28: Quân dược bài thuốc này có tác dụng

1. giang Phế khí,
2. Nhuận trường, hoạt huyết tán kết
3. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ
4. trợ Phụ tử ôn Tỳ dương để tán hàn

Câu 29: Thần dược bài thuốc này có tác dụng

1. hàn tả nhiệt, nhuyễn kiên nhuận táo thông đại tiện
2. Nhuận trường, hoạt huyết tán kết
3. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ
4. trợ Phụ tử ôn Tỳ dương để tán hàn

Câu 30: Chỉ thực, Hậu phác trong bài thuốc này (nếu có), có tác dụng

1. phá khí tán kết, tiêu tích trừ “bĩ”; hành khí tán “mãn”
2. dưỡng huyết nhuận táo
3. trợ Quân dược ôn Tỳ dương để tán hàn
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

**Tình huống lâm sàng cho câu 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38**

**BN nam, 30 tuổi, biểu hiện tiện khô kết, ngực bụng bĩ trướng, lưỡi đỏ, rêu vàng khô, lười nói, hơi thở yếu, da dẻ xanh xao. BN nhập viện BV YHCT TPHCM**

Câu 31: BN có biểu hiện của

1. Dương minh phủ thực kèm thấp nhiệt
2. Tỳ dương bất túc
3. Trường vị táo nhiệt kèm khí huyết hư suy
4. Âm hư

Câu 32: Bài thuốc chỉ định cho BN

1. Đại thừa khí thang
2. Ôn tỳ thang
3. Đại hòang phụ tử thang
4. Ma tử nhân hoan

Câu 33: Cần gia thêm vị thuốc nào để cải thiện triệu chứng da dẻ xanh xao cho BN

1. Hoa hòe
2. Chỉ xác
3. Đương quy
4. Bạch truật

Câu 34: Có thể gia thêm vị thuốc nào để cải thiện triệu chứng lười nói, hơi thở yếu của BN

1. Thục địa
2. Hoa hòe
3. Hậu phác
4. Nhân sâm, Hoàng ký

Câu 35: Nếu BN có đi cầu phân máu, có thể gia thêm vị thuốc nào cho BN

1. Thục địa
2. Hoa hòe
3. Hậu phác
4. Nhân sâm, Hoàng ký

Câu 36: Quân dược của bài thuốc gốc có tác dụng

1. tư Tỳ nhuận táo, hoạt trường thông tiện
2. nhuận táo, giáng Phế khí để thông tiện
3. ôn dương tán hàn để tuyên thông hàn tích
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

Câu 37: Hạnh nhân của bài thuốc gốc có tác dụng

1. giáng phế khí, nhuận trường
2. dưỡng âm sinh tân
3. thông tiện, tả trừ tích trệ
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

Câu 38: Sứ dược cho bài thuốc này là

1. Cam thảo
2. Mật ong
3. Sinh khương
4. Đại táo

**Tình huống lâm sàng cho câu 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46**

**BN nữ 38 tuổi, biểu hiện táo bón, đau bụng, tay chân lạnh, lưỡi trắng dính, mạch trầm huyền khẩn, bụng đầy trướng. BN nhập viện BV YHCT TPHCM**

Câu 39: BN này có biểu hiện của

1. Chứng âm hư nhiệt kết
2. Chứng thực hàn tích trệ kèm khí trệ
3. Chứng Tỳ dương bất túc, hàn tích tắc trệ
4. Chứng nhiệt kết Dương minh, khí huyết bất túc

Câu 40: Chỉ định bài thuốc cho BN

1. Đại hoàng phụ tử thang
2. Ngũ nhân hoan
3. Tăng dịch thừa khí thang
4. Hoàng long thang

Câu 41: Có thể gia thêm vị thuốc nào cải thiện triệu chứng đầy trướng bụng cho BN

1. Bạch thược
2. Đại hoang
3. Mộc hương
4. Cam thảo

Câu 42: Quân dược bài này có tác dụng

1. tư Tỳ nhuận táo, hoạt trường thông tiện
2. nhuận táo, giáng Phế khí để thông tiện
3. ôn dương tán hàn để tuyên thông hàn tích
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

Câu 43: Thần dược bài này là vị thuốc

1. Phụ tử
2. Đại hoang
3. Mang tiêu
4. Bá tử nhân

Câu 44: Thần dược bài thuốc này có công dụng

1. Nhuận trường, hoạt huyết tán kết
2. nhuận táo, giáng Phế khí để thông tiện
3. thông tiện, tả trừ tích trệ
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

Câu 45: Tá dược bài thuốc này

1. Đương quy
2. Chỉ thực
3. Hậu phác
4. Tế tân

Câu 46: Công dụng của Tá dược bài thuốc này

1. dưỡng huyết nhuận táo
2. ôn tán hàn tà, thông tý chỉ thống
3. hanh khí tán “mãn
4. nhuận ngũ tạng

**Tình huống lâm sàng cho câu 47, 48, 49, 50, 51**

**BN nữ 33 tuổi, biểu hiện tiện khô kết, khó ra, miêng khô khát, lưỡi khô, rêu ít**

Câu 47: BN này có biểu hiện của

1. Chứng tiện bị do tổn thương tân dịch
2. Chứng thực hàn tích trệ kèm khí trệ
3. Chứng Tỳ dương bất túc, hàn tích tắc trệ
4. Chứng nhiệt kết Dương minh, khí huyết bất túc

Câu 48: Chỉ định cho BN này

1. Đại hoàng phụ tử thang
2. Ngũ nhân hoan
3. Tăng dịch thừa khí thang
4. Hoàng long thang

Câu 49: Quân dược của bài thuốc này có công dụng

1. Nhuận trường, hoạt huyết tán kết
2. nhuận táo, giáng Phế khí để thông tiện
3. thông tiện, tả trừ tích trệ
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

Câu 50: Thần dược bài thuốc này có công dụng

1. Nhuận trường, hoạt huyết tán kết
2. nhuận táo, giáng Phế khí để thông tiện
3. thông tiện, tả trừ tích trệ
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

Câu 51: Trần bì dùng trong bài thuốc này có tác dụng

1. Bổ Tỳ ích khí
2. Ích khí dưỡng huyết
3. Tiêu tích trừ bĩ
4. Lý khí hành trệ

Câu 52: Bài thuốc Nhuận trường hoàn có công dụng

1. nhuận trường thông tiện, hoạt huyết trừ phong
2. nhuận trường thông tiện, tư âm tăng dịch
3. nhuận trường thông tiện, ích khí dưỡng huyết
4. nhuận trường thông tiện, ôn bổ tỳ dương

**Tình huống lâm sàng cho câu 53, 54, 55, 56, 57, 58**

**BN nữ, 60 tuổi biểu hiện đại tiện khó, phân khô cứng, miệng khô, môi nứt, lưỡi đỏ sẫm, rêu vàng, mạch tế sác**

Câu 53: BN này có biểu hiện của

1. Chứng tiện bị do âm hư nhiệt kết
2. Chứng thực hàn tích trệ kèm khí trệ
3. Chứng Tỳ dương bất túc, hàn tích tắc trệ
4. Chứng nhiệt kết Dương minh, khí huyết bất túc

Câu 54: Chỉ định cho BN này

1. Đại hoàng phụ tử thang
2. Ngũ nhân hoan
3. Tăng dịch thừa khí thang
4. Hoàng long thang

Câu 55: Quân dược bài thuốc này có tác dụng

1. Nhuận trường, hoạt huyết tán kết
2. tư âm thanh nhiệt, nhuận táo thông tiện
3. thông tiện, tả trừ tích trệ
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

Câu 56: Thần dược bài thuốc này có tác dụng

1. giang Phế khí,
2. dưỡng âm sinh tân
3. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ
4. trợ Phụ tử ôn Tỳ dương để tán hàn

Câu 57: Đại hoang dùng trong bài thuốc có tác dụng

1. giang Phế khí,
2. Nhuận trường, hoạt huyết tán kết
3. Thông tiện, tiết nhiệt
4. trợ Phụ tử ôn Tỳ dương để tán hàn

Câu 58: Mang tiêu dùng trong bài thuốc có tác dụng

1. giang Phế khí,
2. Nhuyễn kiên, tán kết
3. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ
4. trợ Phụ tử ôn Tỳ dương để tán hàn

**Tình huống lâm sàng cho câu 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65**

**BN nam, 70 tuổi, biểu hiện đi ngoài toàn nước trong, có lúc đại tiện bí kết, bụng đầy trướng, đau cự án, miệng khát, nói sảng, tinh thần mê mang, tay chân lạnh, miệng lưỡi khô, rêu lưỡi vàng xam, mạch hư**

Câu 59. BN này có biểu hiện của

1. Chứng tiện bị do âm hư nhiệt kết
2. Chứng thực hàn tích trệ kèm khí trệ
3. Chứng Tỳ dương bất túc, hàn tích tắc trệ
4. Chứng nhiệt kết Dương minh, khí huyết bất túc

Câu 60: Chỉ định cho BN này

1. Đại hoàng phụ tử thang
2. Ngũ nhân hoan
3. Tăng dịch thừa khí thang
4. Hoàng long thang

Câu 61: Quân dược của bài thuốc này có tác dụng

1. tả nhiệt thông tiện, tẩy rửa Trường vị
2. Nhuyễn kiên, tán kết
3. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ
4. trợ Phụ tử ôn Tỳ dương để tán hàn

Câu 62: Thần dược bài thuốc có tác dụng

1. tả nhiệt thông tiện, tẩy rửa Trường vị
2. Nhuyễn kiên, tán kết nhuận trường thông tiện
3. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ
4. trợ Phụ tử ôn Tỳ dương để tán hàn

Câu 63: Chỉ thực, Hậu phác trong bài thuốc có tác dụng

1. Nhuận trường, hoạt huyết tán kết
2. tư âm thanh nhiệt, nhuận táo thông tiện
3. hanh khí tán kết, trừ tích trệ
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

Câu 64: Nhân sâm, Đương quy trong bài thuốc có tác dụng

1. tư Tỳ nhuận táo, hoạt trường thông tiện
2. nhuận táo, giáng Phế khí để thông tiện
3. ích khí dưỡng huyết
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

Câu 65: Cát cánh trong bài thuốc có tác dụng

1. tuyên phế khí , lợi Đại trường
2. nhuận táo, giáng Phế khí để thông tiện
3. thông tiện, tả trừ tích trệ
4. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ

**Tình huống lâm sàng cho câu 66, 67, 68**

**BN nam 35 tuổi, sau 3 ngày thu hoạch gặt lúa ngoài đồng vào trời nắng gắt về thì có các triệu chứng sau: sốt cơn, nói sảng, đại tiện không thông, bụng trướng đầy, đau tức, đè vào thì rắn, miệng khô, họng khát, rêu lưỡi vàng dày, mạch trầm hữu lực**

Câu 66: Bài thuốc có thể sử dụng là:

1. Đại thừa khí thang
2. Ôn tỳ thang
3. Hoàng long thang
4. Ma tử nhân hoan

Câu 67: Trong bài thuốc này vị thuốc làm Quân là:

1. Mang tiêu
2. Hậu phác
3. Đại hoang
4. Chỉ thực

Câu 68: Vị thuốc làm Quân có công dụng

1. Hành khí tán mãn
2. Nhuyễn kiên, tán kết
3. hàn tiết nhiệt, thanh trừ Trường vị tích trệ
4. trợ Phụ tử ôn Tỳ dương để tán hàn

**Tình huống lâm sàng cho câu 69, 70, 71, 72**

**BN nữ 65 tuổi nhiều năm nay ăn uống không tiêu, hay đau bụng, lạnh bụng, tiêu chảy khi ăn đồ ăn sống lạnh đến khám với các triệu chứng sau: đau quặn bụng dưới rốn, xoa bóp, thoa dầu quanh rốn thấy dễ chịu hơn, đại tiện bí, sợ lạnh, chân tay lạnh, rêu lưỡi trắng, mạch trầm huyền.**

Câu 69: Bài thuốc có thể sử dụng là:

1. Đại thừa khí thang
2. Ôn tỳ thang
3. Hoàng long thang
4. Ma tử nhân hoan

Câu 70: Bài thuốc trên thuộc nhôm

1. Hàn hạ
2. Nhuận hạ
3. Ôn hạ
4. Công bổ kiêm thi

Câu 71: Công dụng của bài thuốc trên là để trị:

1. Chứng tiện bị do âm hư nhiệt kết
2. Chứng thực hàn tích trệ kèm khí trệ
3. Chứng Tỳ dương bất túc, hàn tích tắc trệ
4. Chứng nhiệt kết Dương minh, khí huyết bất túc

Câu 72: Trong bài thuốc trên, vị thuốc làm Quân là

1. Can khương
2. Nhân sâm
3. Cam thảo
4. Phụ tử

**Tình huống lâm sang cho câu 73, 74, 75, 76**

**BN nữ 60 tuổi, đến khám với các triệu chứng sau: đại tiện bí kết, tiểu tiện đi luôn và nhiều, lưỡi đỏ, rêu vàng khô.**

Câu 73: Bài thuốc có thể sử dụng là

1. Đại thừa khí thang
2. Ôn tỳ thang
3. Hoàng long thang
4. Ma tử nhân hoan

Câu 74: Chỉ định của bài thuốc trên là

1. Chứng tiện bị do âm hư nhiệt kết
2. Chứng thực hàn tích trệ kèm khí trệ
3. Chứng Trường vị táo nhiệt, Tỳ tân bất túc
4. Chứng nhiệt kết Dương minh, khí huyết bất túc

Câu 75: Trong bài thuốc trên, vị thuốc làm Quân là

1. Hạnh nhân
2. Bạch thược
3. Ma tử nhân
4. Đại hoang

Câu 76: Trong bài thuốc trên, vị thuốc có tác dụng nhuận trường thông tiện là

1. Bán hạ
2. Bạch thược
3. Ma tử nhân
4. Đại hoang